

Đắk Nông, ngày 9 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

*Kính thưa quý vị đại biểu!
Kính thưa quý cổ đông!*

Thay mặt Ban giám đốc Công ty, tôi xin báo cáo trước Đại hội về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

I. Tình hình chung:

Năm 2018 được đánh giá là một năm rất khó khăn đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường. Ngoài công việc khai thác quặng bauxit nguyên khai tại mỏ Tân Rai – Lâm Đồng và Thi công nâng cấp sửa chữa Hồ Núi một tại Bình Định Công ty đã không nhận được thêm hạng mục công việc mới nào tại 02 dự án Nhân Cơ và Tân Rai. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2018, công ty gặp rất nhiều khó khăn. Doanh thu đạt được 80% so với kế hoạch, cụ thể:

+ Công tác nghiệm thu thanh toán các hạng mục công trình dở dang bị chậm lại, không hoàn thành kế hoạch vì phải thực hiện theo kết luận của kiểm toán nhà nước: Một số hạng mục phải điều chỉnh dự toán trình phê duyệt lại; Tổng hợp hồ sơ, chứng từ để thực hiện quyết toán theo hình thức thực thanh thực chi.

+ Dự án Tân Rai Lâm Đồng: Trong năm 2018 Công ty đã triển khai thi công Khai thác quặng bauxite tại Tân Rai. Tuy nhiên đơn giá thi công khai thác quặng năm 2018 được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 199/QĐ-TKV ngày 10/2/2017 của Tập đoàn TKV giá thành khai thác thấp nên sản lượng bị giảm xuống. Mặt khác máy móc thiết bị của Công ty đã cũ dẫn đến chi phí sửa chữa tăng cao, tiêu hao nhiên liệu lớn do đó dự án sản xuất chưa được hiệu quả.

+ Dự án Bình Định: Là dự án mới được bắt đầu triển khai thi công từ cuối năm 2017 do đó chi phí cố định ban đầu lớn, thời gian thi công kéo dài do ảnh hưởng của thời tiết mưa, lũ lụt dẫn đến dự án sản xuất chưa được hiệu quả.

Thuận lợi:

- Công ty đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị Công ty; nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) về công việc và nghiệm thu thanh toán, sự ủng hộ quý báu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương tại các địa bàn Công ty hoạt động, sự cộng tác, giúp đỡ, sẻ chia của các đối tác, đơn vị bạn;

- Cùng với sự phối hợp chặt chẽ thực hiện nhiệm vụ giữa Ban giám đốc và các tổ chức đoàn thể: Tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên và sự đoàn kết, đồng thuận luôn nỗ lực phấn đấu

hoàn thành nhiệm vụ được giao của toàn thể các CBCNV Công ty.

- Với năng lực của Công ty đã có như kinh nghiệm thi công các công trình, bộ máy nhân sự có trình độ, máy móc thiết bị tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty triển khai tốt tại các dự án và tham gia đấu thầu tại các dự án mới.

Khó khăn:

- Công tác nghiệm thu thanh toán các hạng mục công trình dở dang bị chậm vì phải thực hiện quyết toán theo kết luận của kiểm toán nhà nước.

- Khó khăn lớn nhất của Công ty là thiếu việc làm; Đơn giá khai thác quặng tại dự án Tân Rai thấp, thi công không hiệu quả và chưa có thêm được việc mới trong thị trường 02 dự án Nhân Cơ và Tân Rai.

1. Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2018	Kết quả thực hiện năm 2018	So sánh (%)
Tổng doanh thu	77.009	61.629	80,02
Tổng chi phí	72.913	60.808	83,39
Lợi nhuận trước thuế	4.096	821	20,04
Thuế TNDN	819	199	24,29
Lợi nhuận sau thuế	3.277	621	18,95

(Chi tiết xem báo cáo tài chính năm 2018)

Đánh giá chung:

Về kết quả sản xuất kinh doanh 2018 doanh thu đạt 61.629 triệu đồng đạt 80,02% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính do Công ty chưa có thêm dự án mới ngoài khai thác quặng tại Tân Rai và Nâng cấp sửa chữa Hồ Núi một tại Bình Định; Công tác nghiệm thu thanh quyết toán các hạng mục dở dang chưa được hoàn thành do phải điều chỉnh dự toán, quyết toán theo các kết luận của kiểm toán nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty phải chịu chi phí giá trị khấu hao lớn của một số máy móc thiết bị chờ việc dẫn đến lợi nhuận trước thuế đạt 18,95% thấp so với kế hoạch.

2. Đầu tư và Thanh lý Tài sản cố định :

Để phục vụ công tác thi công tại các dự án, trong năm 2018 Công ty đã đầu tư thêm 01 máy Máy phun vẩy bê tông PZ 34 triệu đồng; 01 Máy nén khí (Máy +2 đầu) 110 triệu đồng và 01 Máy xúc lật Komatsu 109 triệu đồng.

3. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh tại các dự án

3.1 Dự án Tân Rai:

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai thi công khai thác quặng bauxit. Giá trị thực hiện năm 2018 là 25.778 triệu đồng đạt 129% so với kế hoạch năm 2018; Lợi nhuận là 1.692 triệu đồng.

3.2 Dự án tại Lào:

Trong năm 2018 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện thi công tại Lào với hình thức cho thuê thiết bị và nhân lực tại 02 dự án Xenamnoy và Nậm Ngừm. Giá trị thực hiện năm 2018 là 5.250 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế là 2.163 triệu đồng.

3.3 Dự án Bình Định:

Năm 2018 Công ty tiếp tục triển khai thi công dự án sửa chữa nâng cấp hồ Núi Một tại tỉnh Bình Định đến nay cơ bản đã hoàn thành. Do điều kiện khi hậu năm nay mưa kéo dài, lũ lụt dẫn đến không đẩy nhanh được tiến độ để đảm bảo kế hoạch đề ra; Chi phí cố định ban đầu lớn. Do đó dự án thi công chưa được hiệu quả.

4. Công tác nhân sự

- Tổng số nhân sự toàn công ty đến 31/12/2018 là : 35 người.

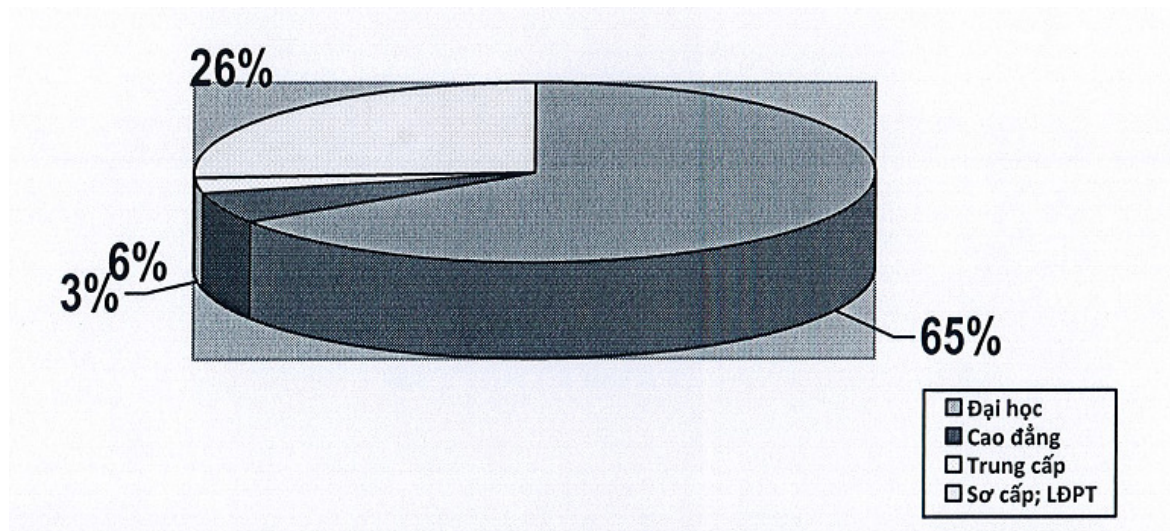
Trong đó:

+ Trình độ đại học: 23 người

+ Trình độ Cao đẳng: 2 người

+ Trình độ trung cấp: 1 người

+ Trình độ Sơ cấp và CNKT: 9 người



- Thu nhập bình quân năm 2018 toàn Công ty: 11.190 nghìn đồng/tháng/người

5. Công tác thị trường

Hiện nay, Công ty vẫn đang nỗ lực tìm kiếm công việc mới nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh cho năm 2019 và các năm tiếp theo. Công ty đang triển khai thi công Khai thác quặng năm 2019 tại Tân Rai. Ngoài ra, tham gia cùng CMvietnam tìm kiếm các dự án mới:.

6. Công tác An toàn lao động

Công ty đã trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và huấn luyện ATLĐ cho người lao động. Trong năm 2018 không để xảy ra bất kỳ vụ việc về mất an toàn lao động nào gây thương tích đến con người.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019

Trong năm 2019 được dự báo vẫn là một năm còn nhiều khó khăn đối với Công ty. Từ đó Công ty đưa ra nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 như sau :

- Đầu thầu và thực hiện công tác khai thác quặng tại dự án Tân Rai.
- Tìm kiếm thêm công việc mới tại 2 dự án Tân Rai, Nhân Cơ và các dự án ngoài TKV
- Thực hiện xong công tác quyết toán tại dự án Lâm Đồng và Nhân Cơ, thực hiện công tác nghiệm thu thanh toán ngay từ đầu tại các dự án mới khi triển khai.
- Tiết giảm chi phí chung tại văn phòng Công ty và chi phí tại các dự án để giảm giá thành.
- Áp dụng công nghệ để tăng năng suất

1. Một số chỉ tiêu SXKD năm 2019

ĐVT: 1000 đồng

Stt	Chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
I	Kế hoạch SXKD		
1	Tổng doanh thu	97.202.984	
2	Tổng chi phí	95.923.908	
3	Lợi nhuận trước thuế	1.279.076	
4	Thuế TNDN	255.815	
5	Lợi nhuận sau thuế	1.023.261	
6	Trích lập các quỹ	102.326	
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển (5%)	51.163	
-	Trích lập quỹ thưởng ban điều hành (5%)	51.163	
7.	Lợi nhuận để lại công ty	920.935	

2. Các Dự án Sản xuất :

2.1 Khai thác quặng tại Tân Rai:

- Đã trúng thầu và ký được hợp đồng với LDA về khai thác tại dự án này, tạo nguồn việc trước mắt để Công ty hoạt động, có việc làm cho người lao động và sử dụng các thiết bị hiện có của Công ty

- Rà soát lại các chi phí sản xuất tại dự án và có biện pháp tổ chức khai thác phù hợp nhất để giảm giá thành nhằm nâng cao hiệu quả

2.2 Các dự án xây lắp mới:

- Tiếp tục triển khai thi công Gói thầu số 6 (WB5/GW-BD/XL1): Xây dựng công lấy nước, nhà quản lý và tràn xả lũ số 2 Tiểu dự án: Sửa chữa, nâng cấp hồ Núi Một thuộc dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định, đến tháng 4/2019 hoàn thành.
- Cùng Cmvietnam phát triển các thị trường mới với các đối tác của Cmvietnam trong và ngoài nước để trực tiếp triển khai 1 số hạng mục được Cmvietnam giao.

2.3 Về dự án môi trường:

- Tiếp tục duy trì công tác hoàn nguyên môi trường tại dự án Tân Rai

3. Công tác thu hồi vốn:

- Thực hiện quyết toán các công trình đã kết thúc theo kết luận của kiểm toán, phân đấu hết tháng 12/2019 hoàn thành.
- Nghiệm thu thanh toán các dự án đang triển khai và dự án mới: Phải thực hiện ngay từ đầu để đảm bảo thu hồi vốn đảm bảo dòng tiền theo từng dự án, giảm rủi ro khi triển khai tại từng dự án.

4. Tìm kiếm thị trường :

- Tích cực tìm kiếm dự án mới để đảm bảo ổn định sản xuất và phát triển Công ty.

5. Công tác nhân sự :

- Đảm bảo đời sống về vật chất cũng như tinh thần cho người lao động tốt hơn so với năm 2018 để người lao động yên tâm công tác phát huy được khả năng của từng cá nhân
- Mức lương thu nhập bình quân dự kiến là: 8.500 nghìn đồng/người/ tháng
- Về tuyển dụng thêm nhân sự: Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thì Công ty sẽ cân đối tuyển dụng thêm nhân sự cho phù hợp với nhu cầu sản xuất

6. Đầu tư Tài sản :

Căn cứ vào kế hoạch SXKD năm 2019 và cho các năm tiếp theo Công ty sẽ đầu tư thêm một số máy móc thiết bị để phục vụ thi công đồng thời thanh lý một số máy móc thiết bị cũ và không phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty, và sẽ trình Hội đồng quản trị theo từng phương án cụ thể.

7. Công tác An toàn Lao động

Công tác An toàn lao động vẫn được đặt lên hàng đầu, bảo hộ lao động phải trang bị đầy đủ, toàn bộ người lao động phải được huấn luyện ATLĐ trước khi làm việc, thường xuyên phổ biến nhắc nhở về An toàn, giám sát chặt chẽ công tác An toàn lao động trong tất cả các dự án mà Công ty đang triển khai.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỂ ĐẢM BẢO KHSXKD 2019

- Công tác điều hành: Xây dựng 1 tập thể đoàn kết, điều hành triển khai công việc quyết liệt và sâu sát kịp thời để đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả .
- Quan tâm hơn nữa về đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động để họ gắn bó với công ty và yên tâm làm việc lâu dài, ổn định.
- Tập trung tìm kiếm công việc mới trong TKV và thị trường ngoài.
- Tiết giảm chi phí tại Văn phòng và các Dự án. Cải tiến công nghệ và tăng năng suất để giảm giá thành.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác thu hồi vốn tại các công trình đã hoàn thành và đang triển khai để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất;
- Kiểm soát và nhắc nhở thường xuyên đến người lao động về công tác An toàn lao động.

IV KIẾN NGHỊ

1. Đối với Hội Đồng quản trị : Mong muốn nhận được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và hỗ trợ Công ty nhiều hơn về mặt thị trường, đồng thời hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty giải quyết các tồn tại về sản lượng dở dang tại các dự án mà TKV là Chủ đầu tư.

2. Đối với Công ty CMvietnam:

- Hỗ trợ cho Công ty về công tác thị trường, tạo điều kiện cho Công ty tham gia 1 phần công việc tại các dự án mà CMvietnam thi công.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019. Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường xem xét, thông qua.

TM. BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Văn Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP MÔI TRƯỜNG

Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện ĐắkR'lấp, tỉnh Đắk Nông

Đơn vị tính: 1000d

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019																
STT	CÔNG TY CP XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG				T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
1	Dự án Hồ Núi 1	Sản lượng	8.700.733	100%	2.900.244	2.900.244	2.900.244									
		Phí hợp đồng	-													
		Doanh thu	8.700.733	100%	2.900.244	2.900.244	2.900.244	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Chi phí	8.197.110	94%	2.732.370	2.732.370	2.732.370	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Chi phí còn lại	503.623	6%	167.874	167.874	167.874	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Khai thác Tân Rai - Lâm Đồng	Sản lượng	42.913.093	100%	4.171.180	3.698.427	4.976.340	4.579.746	4.005.555	2.788.939	2.589.729	2.589.729	2.589.729	2.988.148	4.144.446	3.791.126
		Phí hợp đồng	-													
		Doanh thu	42.913.093	100%	4.171.180	3.698.427	4.976.340	4.579.746	4.005.555	2.788.939	2.589.729	2.589.729	2.589.729	2.988.148	4.144.446	3.791.126
		Chi phí	41.555.103	90%	4.108.401	3.702.642	4.596.286	4.334.617	3.620.967	2.811.134	2.678.274	2.678.274	2.678.274	2.909.268	3.987.054	3.449.913
		Chi phí còn lại	1.357.990	3%	62.780	(4.215)	380.054	245.129	384.588	(22.196)	(88.545)	(88.545)	(88.545)	78.880	157.392	341.213
3	Xenamnoy - Lao	Sản lượng	190.000	100%	95.000	95.000										
		Phí hợp đồng	-													
		Doanh thu	190.000	100%	95.000	95.000										
		Chi phí	57.000	30%	28.500	28.500										
		Chi phí còn lại	133.000	70%	66.500	66.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Cho thuê thiết bị, nhà tạm	Sản lượng	2.542.582	100%	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882
		Phí hợp đồng	-													
		Doanh thu	2.542.582	100%	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882	211.882
		Chi phí	1.677.788	66%	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816	139.816
		Chi phí còn lại	864.793	34%	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066	72.066
5	Dự án khác	Sản lượng	10.000.000	100%	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333
		Phí hợp đồng														
		Doanh thu	10.000.000	100%	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333	833.333
		Chi phí	9.000.000	90%	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000	750.000
		Chi phí còn lại	1.000.000		83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333	83.333
6	Thử nghiệm thu thanh toán phần sản lượng dở dang	Sản lượng	31.856.576	100%	-		-	-	-	7.148.815	-	-	-	-	-	24.707.761
		Phí hợp đồng	-													
		Doanh thu	31.856.576	100%	-		-	-	-	7.148.815	-	-	-			24.707.761
		Chi phí	29.906.306	90%	-		-	-	-	6.433.933	-	-	-	-	-	23.472.373
		Chi phí còn lại	1.950.270		-	-	-	-	-	714.881	-	-	-	-	-	1.235.388

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019																
STT	CÔNG TY CP XÂY LẬP MÔI TRƯỜNG				T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP NHẤT																
HỢP NHẤT CÔNG TY	Sản lượng	96.202.984	100%	8.211.640	7.738.886	8.921.799	5.624.961	5.050.770	10.982.968	3.634.944	3.634.944	3.634.944	4.033.364	5.189.661	29.544.103	
	Doanh thu thanh lý máy móc thiết bị cũ, hư hỏng	1.000.000								500.000	500.000					
	Doanh thu	97.202.984	101%	8.211.640	7.738.886	8.921.799	5.624.961	5.050.770	10.982.968	4.134.944	4.134.944	3.634.944	4.033.364	5.189.661	29.544.103	
	Chi phí	90.393.308	94%	7.759.087	7.353.328	8.218.472	5.224.433	4.510.782	10.134.883	3.568.089	3.568.089	3.568.089	3.799.084	4.876.869	27.812.102	
	Lợi nhuận thuần	6.809.676	7%	452.553	385.558	703.327	400.529	539.988	848.085	566.855	566.855	66.855	234.279	312.792	1.732.000	
	CP quản lý chung	2.153.951	2%	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496	179.496
	CP cố định khác	326.000	0%	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167	27.167
	CP máy móc không hoạt động	2.862.113	3%	239.906	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382	238.382
	Cp khấu hao thiết bị, vật kiến trúc	188.536	0,2%	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711	15.711
	LN trước thuế	1.279.076	1,3%	(9.726)	(75.198)	242.571	(60.228)	79.231	387.329	106.098	106.098	(393.902)	(226.477)	(147.965)	1.271.244	
	Thuế TNDN	255.815	0,3%	(1.945)	(15.040)	48.514	(12.046)	15.846	77.466	21.220	21.220	(78.780)	(45.295)	(29.593)	254.249	
	LN sau thuế	1.023.261	1,1%	(7.781)	(60.158)	194.057	(48.182)	63.385	309.863	84.879	84.879	(315.121)	(181.182)	(118.372)	1.016.995	

NGƯỜI LẬP

Đào Thị Yến

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Trung